# **BÀI 1: DÂN TỘC VÀ DÂN SỐ**

# ***(27 CÂU)***

## **A. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

### 1. NHẬN BIẾT (13 CÂU)

**Câu 1:** Nước ta có bao nhiêu dân tộc?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 64 dân tộc. | B. 20 dân tộc. | C. 15 dân tộc. | D. 54 dân tộc. |

**Câu 2:** Dân tộc chiếm tỉ lệ nhiều nhất ở nước ta là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Kinh. | B. Tày. | C. Dao. | D. Mường. |

**Câu 3:** Người Kinh tập trung nhiều ở khu vực nào?

|  |  |
| --- | --- |
| A. đồng bằng, đồi núi và trung du. | B. đồng bằng, ven biển và trung du. |
| C. trung du, cao nguyên và ven biển. | D. đồi núi, ven biển và cao nguyên. |

**Câu 4:** Các dân tộc thiểu số sinh sống ở

|  |  |
| --- | --- |
| A. cao nguyên và trung du. | B. đồng bằng và đồi núi. |
| C. đồi núi và ven biển. | D. đồi núi và cao nguyên. |

**Câu 5:** Trung du và miền núi Bắc Bộ là nơi cư trú của các dân tộc nào?

A. H’Mông, Thái, Chăm, Hoa.

B. Tày, Khơ-me, Mường, Chăm.

C. Tày, H’Mông, Thái, Mường.

D. Kinh, Tày, Mường, Chăm.

**Câu 6:** Tây Nguyên là nơi cư trú của các dân tộc nào?

A. Gia-rai, Ê-đê, Ba na.

B. Kinh, Tày, Ba na.

C. Ê-đê, Khơ-me, Gia-rai.

D. H’Mông, Khơ-me, Ê-đê.

**Câu 7:** Các tỉnh đồng bằng ven biển phía Nam và Đồng bằng sông Cửu Long là nơi cư trú của các dân tộc nào?

A. Kinh, Tày, Mường.

B. Ê-đê, Khơ-me, Hoa.

C. Khơ-me, Chăm, Hoa.

D. Ba na, Thái, Gia-rai.

**Câu 8:** Phân bố dân tộc ở Việt Nam có sự thay đổi được biểu hiện ở

A. Phân bố dân tộc ở Việt Nam có sự thay đổi về thời gian.

B. Mỗi một vùng chỉ có tối đa 2 dân tộc cùng sinh sống.

C. Các dân tộc thiểu số phân bố không đồng đều, tập trung đông tại ven biển.

D. Phân bố ngày càng đan xen với nhau trên lãnh thổ nước ta.

**Câu 9:** Tính đến năm 2021, Việt Nam có bao nhiêu người sinh sống, làm việc, học tập ở nước ngoài?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 15 triệu người. | B. 5 triệu người. | C. 3 triệu người. | D. 7 triệu người. |

**Câu 10:** Tính đến năm 2021, số dân nước ta là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 90 triệu người. | B. 98,5 triệu người. | C. 100 triệu người. | D. 86 triệu người. |

**Câu 11:** Đặc điểm quy mô dân số Việt Nam là

A. Tỉ lệ tăng dân số nước ta có xu hướng tăng nhanh.

B. Quy mô dân số ít, mỗi năm chỉ tăng khoảng 500 nghìn người.

C. Quy mô dân số đông, xếp thứ 20 trên thế giới.

D. Đứng thứ 15 trên thế giới và thứ ba trong khu vực Đông Nam Á.

**Câu 12:** Trong khu vực Đông Nam Á, dân số nước ta xếp thứ ba sau

A. In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin.

B. Cam-pu-chia và Phi-líp-pin.

C. In-đô-nê-xi-a và Mi-an-ma.

D. Lào và Ma-lai-xi-a.

**Câu 13:** Đặc điểm cơ cấu theo nhóm tuổi ở nước ta là

A. Tỉ lệ dưới 15 giảm, tỉ lệ dân số từ 15 đến 64 tuổi giảm.

B. Tỉ lệ dân số dưới 15 tuổi tăng, tỉ lệ dân số từ 65 tuổi trở lên giảm.

C. Tỉ lệ dân số từ 65 tuổi trở lên tăng, tỉ lệ dân số từ 15 đến 64 tuổi tăng.

D. Tỉ lệ dân số dưới 15 tuổi giảm, tỉ lệ dân số từ 65 tuổi trở lên tăng.

### 2. THÔNG HIỂU (5 CÂU)

**Câu 1:** Đâu **không** phải là đặc điểm của dân tộc nước ta?

A. Các dân tộc ở Việt Nam sinh sống rộng khắp trên toàn lãnh thổ.

B. Dân tộc thiểu số phân bố chủ yếu ở đồng bằng, ven biển.

C. Phân bố dân tộc ở Việt Nam có sự thay đổi.

D. Người Việt Nam ở nước ngoài là một bộ phận của dân tộc Việt Nam.

**Câu 2:** Ý nào dưới đây **không** phải là đặc điểm cơ cấu theo nhóm tuổi và giới tính nước ta?

A. Tỉ lệ dân số dưới 15 tuổi giảm, tỉ lệ dân số từ 65 tuổi trở lên tăng.

B. Việt Nam đang có xu hướng già hóa dân số.

C. Xu hướng già hóa dân số do tỉ lệ sinh tăng, tuổi thọ trung bình giảm.

D. Việt Nam đang trong thời kì dân số vàng.

**Câu 3:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm dân tộc của nước ta?

A. Các dân tộc ít người sống tập trung chủ yếu ở đồng bằng.

B. Có nhiều thành phần dân tộc, bản sắc văn hóa đa dạng.

C. Mức sống của một bộ phận dân tộc ít người còn thấp.

D. Dân tộc Kinh chiếm tỉ lệ lớn nhất trong tổng số dân.

**Câu 4:** Gia tăng tự nhiên dân số giảm, nhưng số dân nước ta vẫn còn tăng nhanh là do nguyên nhân nào sau đây?

A. Quy mô dân số lớn.

B. Tuổi thọ ngày càng cao.

C. Cơ cấu dân số già.

D. Gia tăng cơ học cao.

**Câu 5:** Ý nào sau đây **không** còn chính xác với đặc điểm dân cư nước ta hiện nay?

A. Tỉ số giới tính khi sinh mất cân đối, nam nhiều hơn nữ.

B. Dân số đang có sự biến đổi nhanh về cơ cấu nhóm tuổi.

C. Cơ cấu dân số trẻ, tốc độ tăng ngày càng nhanh gây bùng nổ dân số.

D. Dân cư phân bố chưa hợp lí giữa đồng bằng và miền núi.

### 3. VẬN DỤNG (4 CÂU)

**Câu 1:** Cho bảng số liệu sau:

CƠ CẤU DÂN SỐ THEO NHÓM TUỔI CỦA VIỆT NAM

GIAI ĐOẠN 1999 – 2021

*(Đơn vị: %)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm**  **Nhóm tuổi** | **1999** | **2009** | **2019** | **2021** |
| Dưới 15 tuổi | 33,1 | 24,5 | 24,3 | 24,1 |
| Từ 15 đến 64 tuổi | 61,1 | 69,1 | 68,0 | 67,6 |
| Từ 65 tuổi trở lên | 5,8 | 6,4 | 7,7 | 8,3 |

Phát biều đúng về cơ cấu dân số theo nhóm tuổi của Việt Nam giai đoạn 1999 – 2021?

A. Tỉ lệ dân số dưới 15 tuổi giảm.

B. Tỉ lệ dân số từ 15 đến 64 tuổi giảm.

C. Tỉ lệ dân số từ 65 tuổi trở lên không đồng đều.

D. Tỉ lệ dân số dưới 15 tuổi tăng.

**Câu 2:** Gia tăng tự nhiên đã giảm nhưng mỗi năm nước ta vẫn thêm khoảng 1 triệu người là do

A. quy mô dân số lớn, cơ cấu dân số trẻ.

B. mức chết xuống thấp và ổn định.

C. sự phát triển kinh tế - xã hội.

D. chất lượng cuộc sống ngày càng được nâng lên.

**Câu 3:** Tỉ số giới tính của dân số phản ánh

A. số lượng nam/nữ giới tính trên tổng số dân.

B. số lượng nam giới tính trên 100 dân số.

C. số lượng nữ giới tính trên 100 nam giới.

D. số lượng nam giới tính trên 100 nữ giới.

**Câu 4:** Tình trạng cư trú phân tán, xen kẽ giữa các dân tộc ở nước ta tạo điều kiện để

A. giao lưu, cạnh tranh kinh tế giữa các dân tộc.

B. tăng cường hiểu biết, hòa hợp và xích lại gần nhau dẫn tới sự giao lưu kinh tế - văn hóa giữa các dân tộc.

C. học hỏi kinh nghiệm trồng trọt, chăn nuôi giữa các dân tộc.

D. tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, cạnh tranh kinh tế công bằng về tăng trưởng GDP/người.

### 4. VẬN DỤNG CAO (5 CÂU)

**Câu 1:** Dân cư nước ta phân bố không đều giữa các vùng gây khó khăn lớn nhất cho việc

A. nâng cao chất lượng cuộc sống.

B. bảo vệ tài nguyên và môi trường.

C. sử dụng có hiệu quả nguồn lao động.

D. nâng cao tay nghề cho lao động.

**Câu 2.** Đồng bằng nước ta tập trung dân cư đông đúc là do

A. địa hình bằng phẳng, chủ yếu trồng lúa.

B. nhiều dân tộc sinh sống, diện tích đất rộng.

C. chủ yếu trồng lúa, nhiều dân tộc sinh sống.

D. diện tích đất rộng, có nhiều khoáng sản.

**Câu 3:** Hiện nay, ở Tây Nguyên có

A. mỗi dân tộc đều có khu vực cư trú chung.

B. 20 dân tộc cùng chung sống.

C. dân tộc sống riêng biệt, được ngăn cách bởi các tộc người, làng.

D. 53 dân tộc cùng chung sống.

**Câu 4:** Người Việt ở nước ngoài sinh sống nhiều nhất ở đâu?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Mỹ. | B. Nhật Bản. | C. Cộng hòa Séc. | D. Đài Loan. |

**Câu 5:** Liên hợp quốc cảnh báo đến năm 2500 dân số Việt Nam chỉ còn bao nhiêu triệu người?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 2 triệu người. | B. 4 triệu người. | C. 3,6 triệu người. | D. 1,95 triệu người. |
|  |  |  |  |

## **B. ĐÁP ÁN**

### 1. NHẬN BIẾT

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. D** | **2. A** | **3. B** | **4. D** | **5. C** | **6. A** | **7. C** | **8. D** | **9. B** | **10. B** |
| **11. C** | **12. A** | **13. D** |

### 2. THÔNG HIỂU

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. B** | **2. C** | **3. A** | **4. A** | **5. C** |

### 3. VẬN DỤNG

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **1. A** | **2. A** | **3. D** | **4. B** |

### 4. VẬN DỤNG CAO

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. C** | **2. A** | **3. D** | **4. A** | **5. C** |